

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HS-ST
Ngày: 03 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn và Trần Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2019/TLST-HS ngày 19/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 19/9/2019 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1966 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc Ủ và bà Trần Thị X (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị Phương L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2/ Nguyễn Thị B, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1983 tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có chồng Phạm Văn Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3/ Lê Thị M, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1965 tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L và bà Lê Thị N (đều đã chết); có chồng Lê Xuân T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4/ Võ Thị H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1987 tại xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Quốc Á và bà Võ Thị L; có chồng Võ Tiến D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5/ Nguyễn Thị L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1985 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; có chồng Nguyễn Thanh P và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6/ Nguyễn Thị H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1985 tại xã M, huyện L tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N; có chồng Nguyễn Văn H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7/ Trần Thị Ngọc K, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1994 tại xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang C và bà Hồ Thị C; có chồng Lê Vũ T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8/ Phan Thị M, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1976 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quang V và bà Nguyễn Thị D; có chồng Dương Công P và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Trần Quang C, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Võ Thị Hương và Trần Thị Ngọc K nộp hồ sơ tuyển dụng viên chức Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trong khi xem xét hồ sơ dự tuyển của H và K, Hội đồng tuyển dụng UBND huyện Lệ Thủy phát hiện chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số của Võ Thị H và Trần Thị Ngọc K nộp

theo hồ sơ có dấu hiệu làm giả. Ngày 05/9/2018, Chủ tịch UBND huyện Lệ Thủy ra quyết định số 4164/QĐ-UBND về việc thanh tra một số trường hợp cán bộ sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số tham gia dự tuyển, xét tuyển viên chức năm 2017 và năm 2018.

Qua thanh tra, UBND huyện Lệ Thủy xác định các đối tượng Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H và Trần Thị Ngọc K sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số có dấu hiệu làm giả nộp hồ sơ xét tuyển viên chức năm 2017 và 2018 nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy và kiến nghị khởi tố về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra đã xác định: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H đã liên hệ với những người không quen biết để mua chứng chỉ giả với các mức giá khác nhau. Trần Thị Ngọc K thông qua Lê Văn Q lúc này là giám đốc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện L, tỉnh Quảng Bình để mua chứng chỉ giả với giá 15 triệu đồng. Lê Văn Q khai liên hệ với người có tên là Trần Thanh Lâm ở thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để mua giúp chứng chỉ giả cho Trần Thị Ngọc K và hiện tại người này đã chết. Sau khi mua chứng chỉ giả, B, Lê Thị M, Phan Thị M, L, K, Nguyễn Thị H và Võ Thị H đã đưa các chứng chỉ giả này vào hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp tại UBND huyện L để xét tuyển viên chức.

Việc tạm giữ vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ Chứng chỉ đào tạo liên tục số 2801/K30-DS3T/B01.02 mang tên Trần Thị Ngọc K; Chứng chỉ số 295K7.05/2014-B34 mang tên Võ Thị H; Chứng chỉ số 565K3.09/2012-B28 mang tên Lê Thị M; Chứng chỉ số 558K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị B; Chứng chỉ số 561K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị L; Chứng chỉ số 554K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị H; Chứng chỉ số 579K3.09/2012-B28 mang tên Đinh Minh T; 02 bản sao chứng chỉ có công chứng số 579K3.09/2012-B28 mang tên Phan Thị M; Chứng chỉ số 1006K3.12/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị Thùy T; Chứng chỉ số 1008K3.12/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị Thùy T; Chứng chỉ số 126K3.02/2012-B28 mang tên Nguyễn Trần Quê T và 02 mẫu phôi giấy khen của Trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ Dân số- Y tế.

Tại bản kết luận giám định số 260/PC09(GĐ) ngày 27/03/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 là giả gồm: Chứng chỉ đào tạo liên tục số 2801/K30-DS3T/B01.02 mang tên Trần Thị Ngọc K, Chứng chỉ số 295K7.05/2014-B34 mang tên Võ Thị H; Chứng chỉ số 565K3.09/2012-B28 mang tên Lê Thị M; Chứng chỉ số 558K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị B; Chứng chỉ số 561K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị L; Chứng chỉ số 554K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị H.

Tại bản kết luận giám định số 455/PC09(GĐ) ngày 25/04/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Tài liệu cần giám định ký hiệu A là thật. Tài liệu này có số, ngày trùng với số, ngày trong bản sao chứng chỉ có công

chứng mà Phan Thị M nộp tại UBND huyện L. Vì vậy, có cơ sở xác định chứng chỉ của Phan Thị M là giả.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại bản sao chứng chỉ số 579K3.09/2012-B28 mang tên Phan Thị M cho Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình; chứng chỉ số 579K3.09/2012-B28 mang tên Đinh Minh T; chứng chỉ số 1006K3.12/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị Thùy T, chứng chỉ số 1008K3.12/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị Thùy T, chứng chỉ số 126K3.02/2012-B28 mang tên Nguyễn Trần Quế T cho các chủ sở hữu và trả 02 mẫu phôi Giấy khen cho Tổng cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình. Riêng 06 chứng chỉ và bản sao công chứng còn lại tiếp tục tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSNDLT ngày 16/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H và Trần Thị Ngọc K về “Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và Lê Văn Q về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Thị Ngọc K không được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Văn Q, Phan Thị M được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

Lê Văn Q hình phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

Nguyễn Thị B hình phạt cảnh cáo

Nguyễn Thị H hình phạt cảnh cáo

Nguyễn Thị L hình phạt cảnh cáo

Lê Thị M hình phạt cảnh cáo

Phan Thị M hình phạt cảnh cáo

Võ Thị H hình phạt cảnh cáo

Trần Thị Ngọc K hình phạt cảnh cáo

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử lưu theo hồ sơ vụ án các Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả mang tên Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị M, Võ Thị H và 01 bản sao Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả mang tên Phan Thị M.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Lê Văn Q: Chỉ vì giúp đỡ người khác mà bị cáo phạm tội, bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng hình phạt cảnh cáo.

Nguyễn Thị B: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Nguyễn Thị H: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Nguyễn Thị L: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Lê Thị M: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Phan Thị M: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Võ Thị H: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trần Thị Ngọc K: Chỉ vì thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Có cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 5/2018, bị cáo Lê Văn Q đã trực tiếp giao cho Trần Thị Ngọc K 01 “Chứng chỉ đào tạo liên tục” nội dung: “Chứng nhận: Ông (Bà) Trần Thị Ngọc K. Năm sinh 1994. Đơn vị công tác: Xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục: Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số...” có mẫu chứng chỉ, con dấu in phun màu Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng - Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình giống với mẫu chứng chỉ, con dấu của Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng - Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình theo kết luận giám định là giả để Trần Thị Ngọc K nộp hồ sơ dự tuyển viên chức Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại UBND huyện L. Bị cáo Q khai nhờ Trần Thanh L ở phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình làm chứng chỉ giả cho K nhưng hiện nay L đã chết; Tuy nhiên, Q là người trực tiếp nhận tiền và bản phô tô giấy chứng minh của

K và cũng là người trực tiếp giao chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả mang tên Trần Thị Ngọc K để K sử dụng đưa vào hồ sơ dự tuyển viên chức. Vì vậy, Lê Văn Q phải chịu hậu quả về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Ngọc K đều khai không trực tiếp tham gia học lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số do Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng thuộc Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tổ chức. Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H khai nhận đã liên lạc bằng điện thoại với những người không quen biết; Trần Thị Ngọc K khai nhận chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả có nguồn gốc từ Lê Văn Q giao cho bị cáo; Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L khai thông qua anh Đỗ Thanh B, cán bộ Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện L, tỉnh Quảng Bình để mua chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả sử dụng hợp thức hóa hồ sơ xét tuyển, dự tuyển viên chức Dân số - Kế hoạch hóa gia đình do UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình tổ chức tuyển dụng vào năm 2017 và năm 2018. Anh Đỗ Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ anh B không thừa nhận mua chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L. Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Đỗ Thanh B mua chứng chỉ giả cho các bị cáo. Ông Trần Quang C không thừa nhận nhờ Q làm chứng chỉ giả cho Trần Thị Ngọc K. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Q không có tài liệu, chứng cứ gì thêm chứng minh ông C nhờ Q mua chứng chỉ giả cho K.

Bản kết luận giám định số 260/PC09(GĐ) ngày 27/03/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 là giả gồm: Chứng chỉ đào tạo liên tục số 2801/K30-DS3T/B01.02 mang tên Trần Thị Ngọc K, Chứng chỉ số 295K7.05/2014-B34 mang tên Võ Thị H; Chứng chỉ số 565K3.09/2012-B28 mang tên Lê Thị M; Chứng chỉ số 558K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị B; Chứng chỉ số 561K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị L; Chứng chỉ số 554K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị H. Bị cáo Phan Thị M khai chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số của bị cáo bị mất. Tuy nhiên, căn cứ Kết luận giám định số 455/PC09(GĐ) ngày 25/04/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Tài liệu cần giám định ký hiệu A là thật. Tài liệu này có số, ngày trùng với số, ngày trong bản sao chứng chỉ có công chứng mà Phan Thị M nộp tại UBND huyện L. Vì vậy, có cơ sở xác định chứng chỉ của Phan Thị M là giả.

[4] Hành vi của các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, chứng chỉ đào tạo. Bị cáo Lê Văn Q đã làm giả con dấu, chứng

chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số cho Trần Thị Ngọc K giống với con dấu, chứng chỉ của Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng - Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Nếu nhìn bằng mắt thường thì không thể xác định được con dấu, chứng chỉ là thật hay là giả mà phải thông qua giám định mới kết luận con dấu, chứng chỉ mang tên Trần Thị Ngọc K là giả. Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L đã sử dụng con dấu, chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức Dân số giả giống với con dấu, chứng chỉ của Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng - Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, nếu nhìn bằng mắt thường thì không thể xác định được con dấu, chứng chỉ là thật hay là giả mà phải thông qua giám định mới kết luận con dấu, chứng chỉ các bị cáo sử dụng nộp hồ sơ xét tuyển, dự tuyển viên chức là giả. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn Q phạm vào “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L phạm vào “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án liên quan đến nhiều đối tượng, ở nhiều địa phương trên địa bàn huyện Lệ Thủy; khi phạm tội các bị cáo đều là đảng viên (hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng). Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước, tuy nhiên các bị cáo chỉ có hành vi làm hoặc sử dụng một lần con dấu, tài liệu giả nên chỉ bị truy tố, xét xử vào khung hình phạt thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng; các bị cáo nhất thời phạm tội, hành vi phạm tội đơn giản; vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo là tương đương nhau; trừ bị cáo Q, các bị cáo chỉ vì mục đích muốn đủ điều kiện về chứng chỉ đào tạo để tham gia xét tuyển nhưng không phải thông qua học hành để được cấp chứng chỉ theo quy định nên đã tìm mua các chứng chỉ giả để đưa vào hồ sơ tham gia xét tuyển, dự tuyển. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất cho các bị cáo sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức hưởng mức án nhẹ nhất có thể để các bị cáo có điều kiện khắc phục, sửa chữa. Đối với bị cáo Lê Văn Q là người làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có nhân thân và quá trình phấn đấu tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Lê Văn Q có nhiều thành tích trong công tác được Bộ trưởng Bộ Y tế tặng Bằng khen; bị cáo Phan Thị M được UBND tỉnh Quảng Bình tặng Bằng khen, được Chủ tịch UBND huyện L, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện L tặng Giấy khen; bị cáo Lê Thị M được Chủ tịch

UBND huyện L tặng Giấy khen, bố bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến; bố của bị cáo Võ Thị H được tặng thưởng Huân chương chiến công và đang hưởng chế độ bệnh binh; bị cáo Nguyễn Thị H được Chủ tịch UBND huyện Lê Thủy tặng giấy khen, bố của bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến công và được tặng Huy hiệu vì nghĩa vụ quốc tế; bị cáo Nguyễn Thị L có mẹ được tặng Huy chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Thị B được Chủ tịch UBND huyện Lê Thủy tặng Giấy khen, bị cáo có bố và mẹ được tặng Huy chương kháng chiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lê Văn Q, Phan Thị M được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trừ bị cáo Trần Thị Ngọc K, các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Võ Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Ngọc K có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo Phan Thị M có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội đa số các bị cáo đều làm hợp đồng bán chuyên trách Dân số Kế hoạch hóa gia đình tại các địa phương trên địa bàn huyện nhiều năm, có quá trình đóng góp nhất định vào công tác xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với các bị cáo Phan Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Võ Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Ngọc K nhằm thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Lê Văn Q cũng có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo là người có chức vụ, phụ trách công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại địa phương nhưng đã có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc hơn đối với bị cáo Lê Văn Q mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cũng như phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[7] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L khai đã liên hệ, trao đổi với anh Đỗ Văn B, cán bộ Trung tâm DS-KHHGĐ huyện L để nhờ mua giúp chứng chỉ giả; bị cáo Lê Văn Q khai ông Trần Quang C đã liên hệ và trao đổi với Q về việc nhờ mua giúp chứng chỉ giả cho chị Trần Thị Ngọc K nhưng ông C, anh B không thừa nhận; bị cáo Q không có chứng cứ chứng minh ông C nhờ bị cáo mua chứng chỉ giả cho Trần Thị Ngọc K; bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H không có chứng cứ chứng minh anh B mua chứng chỉ giả cho các bị cáo. Vì vậy, anh Đỗ Thanh B và ông Trần Quang C không phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án các chứng chỉ giả gồm: Chứng chỉ đào tạo liên tục số 2801/K30-DS3T/B01.02 mang tên Trần Thị Ngọc K, Chứng chỉ số 295K7.05/2014-B34 mang tên Võ Thị H; Chứng chỉ số 565K3.09/2012-B28 mang tên Lê Thị M; Chứng chỉ số 558K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị B; Chứng chỉ số 561K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị L; Chứng chỉ số

554K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị H và bản sao Chứng chỉ số 579K3.09/2012-B28 mang tên Phan Thị M.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Văn Quân phạm vào “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L phạm vào “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị B hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Thị M hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Thị M hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Thị H hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị L hình phạt cảnh cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 32, Điều 34, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Thị Ngọc K hình phạt cảnh cáo.

2/ Lưu theo hồ sơ vụ án các chứng chỉ giả gồm: Chứng chỉ đào tạo liên tục số 2801/K30-DS3T/B01.02 mang tên Trần Thị Ngọc K, Chứng chỉ số 295K7.05/2014-B34 mang tên Võ Thị H; Chứng chỉ số 565K3.09/2012-B28 mang tên Lê Thị M; Chứng chỉ số 558K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị B; Chứng chỉ số 561K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị L; Chứng chỉ số 554K3.09/2012-B28 mang tên Nguyễn Thị H; bản sao Chứng chỉ số 579K3.09/2012-B28 mang tên Phan Thị M.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Thị B, Lê Thị M, Phan Thị M, Võ Thị H, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/10/2019), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Q. Bình;
- VKSND tỉnh Q. Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q. Bình;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- ĐTV, CA huyện Lệ Thủy (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn